

# NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ LÀ TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

NGUYỄN HUY HOÀNG

Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa  
People's Court of Cam Ranh City, Khanh Hoa Province  
Email: nguyenhuyhoang.toaan@gmail.com

## Tóm tắt

*Pháp nhân, bao gồm các tổ chức hành nghề luật sư, thực hiện dịch vụ đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự ngày càng phổ biến và đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Thực tiễn cho thấy các quy định pháp luật về pháp nhân là người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự còn nhiều bất cập. Bài viết nêu một số khó khăn, vướng mắc để đưa ra những góp ý hoàn thiện pháp luật về người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự là các tổ chức hành nghề luật sư.*

**Từ khóa:** tổ chức hành nghề luật sư, đại diện theo ủy quyền, tố tụng dân sự

## Abstract

*Legal entities, including law practice organizations, become more and more often authorized representatives in civil proceedings and play an important role in protecting the legal rights and interests of the parties involved. However, current legal regulations regarding legal entities acting as authorized representatives in civil litigations have significant shortcomings. This article highlights some of the challenges to provide suggestions for the improvement of laws concerning authorized representatives, by law practice organizations in civil proceedings.*

**Keywords:** law practice organization, authorized representation, civil litigation

**Ngày nhận bài:** 05/7/2023

**Ngày duyệt đăng:** 30/9/2023

Việc quy định pháp nhân là một chủ thể được đại diện theo ủy quyền là tiến bộ của pháp luật Việt Nam trong việc tăng cường chủ thể đại diện tham gia vào các giao dịch dân sự cũng như trong hoạt động tố tụng. Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn chưa có quy định cụ thể về chủ thể đại diện theo ủy quyền là pháp nhân trong Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015, chỉ có viện dẫn thông qua Bộ luật Dân sự năm (BLDS) năm 2015. Việc viện dẫn này làm cho tổ chức hành nghề luật sư (TCHNLS) muốn tham gia tố tụng với tư cách là đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự gặp nhiều khó khăn, trở ngại.

Theo Điều 32 Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012, TCHNLS bao gồm văn phòng luật sư và công ty luật. Đây là những chủ thể chuyên nghiệp trong hoạt động thực hiện dịch vụ pháp lý và làm người đại diện theo ủy quyền trong các vụ án dân sự. Tuy nhiên, tư cách tố tụng và thủ tục đại diện chưa được quy định. Đặc biệt, trong hai hình thức trên thì chỉ có công ty luật được xác định là pháp nhân, văn phòng luật sư không đủ điều kiện để được xem là pháp nhân

theo quy định pháp luật hiện nay. Vì vậy, quá trình thực hiện hoạt động ủy quyền trong tố tụng dân sự (TTDS) của văn phòng luật sư còn có một số vướng mắc.

### **1. Khái niệm pháp nhân là người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự**

Theo từ điển pháp lý, pháp nhân có thể hiểu là một chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, khác với thể nhân (cá nhân) là một con người, một cá nhân riêng biệt, pháp nhân là một tổ chức nhưng không phải là một tổ chức bất kỳ mà chỉ là những tổ chức có đủ các điều kiện do pháp luật quy định.<sup>1</sup> Pháp nhân có năng lực pháp luật để: (i) ký kết thỏa thuận, hợp đồng, (ii) đảm nhận nghĩa vụ, (iii) gánh chịu trách nhiệm và trả nợ, (iv) khởi kiện và bị kiện theo quyền của mình và (v) chịu trách nhiệm về các hoạt động trái pháp luật.<sup>2</sup> Pháp luật Việt Nam không đưa ra khái niệm về pháp nhân và cũng chưa có một định nghĩa chính xác nào về pháp nhân nhưng các quốc gia đều thừa nhận sự tồn tại của pháp nhân trong các quan hệ xã hội, là một chủ thể trong quan hệ dân sự. Theo đó, “pháp nhân là một thực thể pháp lý bất kỳ được thiết lập hay tổ chức một cách hợp pháp theo luật áp dụng, bất kể vì mục đích lợi nhuận hay phi lợi nhuận, và dưới hình thức sở hữu tư nhân hay Nhà nước, bao gồm mọi công ty, công ty tín thác, công ty hợp danh, liên doanh, doanh nghiệp một chủ hay hiệp hội”.<sup>3</sup>

Các quy định pháp luật trước năm 2015 đều không ghi nhận pháp nhân được là người đại diện theo ủy quyền, thậm chí không cho phép. Tại Phần VI Nghị quyết số 03/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989 nêu rõ về việc “Cơ quan, tổ chức không được tham gia tố tụng với một tư cách là người đại diện do đương sự ủy quyền”. Khoản 1 Điều 139 BLDS năm 2005 cũng quy định chỉ cá nhân mới được đại diện: “Đại diện là việc một người (sau đây gọi là người đại diện) nhân danh và vì lợi ích của người khác (sau đây gọi là người được đại diện) xác lập, thực hiện giao dịch dân sự trong phạm vi đại diện”.

Khung pháp lý về đại diện được xây dựng và dần hoàn thiện tại BLDS năm 2015 với nội dung khẳng định sự tồn tại của pháp nhân. Khoản 1 Điều 138 BLDS năm 2015 đã quy định: “Cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao

1 Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp, *Từ điển Luật học*, Nxb. Tư Pháp, 2006, tr. 608.

2 *The Law Dictionary*, <https://thelawdictionary.org/legal-entity/>, truy cập ngày 10/10/2023.

3 Điều 11 Chương 3 Hiệp định thương mại giữa Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về thương mại năm 2001.

dịch dân sự”. Với quy định này, cá nhân hay pháp nhân hoàn toàn có thể ủy quyền cho pháp nhân khác nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật khi có sự ủy quyền.

Để trở thành pháp nhân là người đại diện theo ủy quyền của đương sự, trước hết, phải đáp ứng các điều kiện để là pháp nhân theo quy định của BLDS năm 2015. Pháp luật Việt Nam không đưa ra khái niệm chung nhất về pháp nhân mà chỉ nêu ra các điều kiện để được coi là một pháp nhân tại Điều 74 BLDS năm 2015 như sau: “Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan; b) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật này; c) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; d) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập”. Khác biệt với Việt Nam, Điều 57 BLDS Trung Quốc năm 2020 đưa ra định nghĩa về pháp nhân: “Pháp nhân là tổ chức có năng lực quyền dân sự và năng lực hành vi dân sự, theo quy định của pháp luật độc lập thụ hưởng quyền lợi dân sự và độc lập chịu nghĩa vụ dân sự” và đi kèm đó là “điều kiện thành lập pháp nhân”<sup>4</sup> mà không phải là điều kiện để được “công nhận”.

Theo từ điển Tiếng Việt, ủy quyền là “giao quyền cho ai đó thay mặt mình”.<sup>5</sup> Thay mặt ở đây tương ứng với việc thực hiện một số quyền hạn trong phạm vi pháp luật quy định. Như vậy, có thể hiểu ủy quyền là việc người ủy quyền giao cho người được ủy quyền thay mặt thực hiện một số quyền hạn trong phạm vi pháp luật quy định. Như vậy, khi thiết lập một quan hệ ủy quyền thì đồng thời giữa các bên thiết lập một quan hệ hợp đồng nên phát sinh hậu quả pháp lý liên quan đến quyền lợi của các bên trong quan hệ hợp đồng hoặc trong phạm vi ủy quyền. Xét về bản chất pháp lý, trong quan hệ ủy quyền tồn tại hai quan hệ: (i) quan hệ giữa người ủy quyền và người được ủy quyền. Trong quan hệ này, người được ủy quyền có nghĩa vụ phải thực hiện các hành vi pháp lý trong phạm vi ủy quyền; (ii) quan hệ giữa người được ủy quyền với bên thứ ba của giao dịch. Người được ủy quyền có những quyền và nghĩa vụ nhất định đối với bên thứ ba của giao dịch.<sup>6</sup> Theo khoản 4 Điều 85 BLTTDS năm 2015, người đại diện theo ủy quyền trong TTDS là đại diện theo ủy quyền theo quy định của BLDS năm 2015. Khoản 1 Điều 138 BLDS năm 2015 quy định: “Cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự”. Với quy định trên, “người

4 Điều 58 BLDS Trung Quốc năm 2020 quy định điều kiện thành lập pháp nhân như sau: Pháp nhân phải có tên gọi, cơ cấu tổ chức, trụ sở, tài sản hoặc kinh phí riêng của mình.

5 Quang Hùng, *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Từ điển Bách Khoa, 2006, tr. 1203.

6 Nguyễn Minh Hằng, “Đại diện theo ủy quyền - Từ pháp luật nội dung đến tố tụng dân sự”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 05 (52), 2005, tr. 55.

đại diện” trong TTDS bao gồm cá nhân và pháp nhân.

Đối với tổ chức không có tư cách pháp nhân thì BLDS không quy định có được làm người đại diện theo ủy quyền không. Tổ chức không có tư cách pháp nhân có ba nhóm sau: (i) nhóm doanh nghiệp tư nhân và tổ chức hành nghề khác được tổ chức, thành lập theo mô hình doanh nghiệp tư nhân (các văn phòng luật sư, văn phòng thừa phát lại; doanh nghiệp quản lý và thanh lý tài sản phá sản); (ii) nhóm chi nhánh, văn phòng đại diện của pháp nhân; (iii) nhóm tổ chức khác như: quỹ đầu tư chứng khoán, văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam khi thực hiện hoạt động hợp tác đầu tư...<sup>7</sup>

Theo quy định của BLTTDS năm 2015, ngoài cá nhân và pháp nhân, chủ thể là người đại diện theo ủy quyền trong TTDS còn xuất hiện tổ chức không có tư cách pháp nhân. Khoản 3 Điều 85 BLTTDS năm 2015 quy định: “Tổ chức đại diện tập thể lao động đại diện cho người lao động khởi kiện vụ án lao động, tham gia tố tụng khi được người lao động ủy quyền”. Khoản 3 Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở bao gồm công đoàn cơ sở và tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp”. Theo quy định của BLDS năm 2015, các tổ chức này không có tư cách pháp nhân. Đối chiếu với quy định về người đại diện theo ủy quyền trong BLTTDS năm 2015 và BLDS năm 2015 thì người đại diện theo ủy quyền trong BLTTDS năm 2015 có nội hàm rộng hơn đại diện theo ủy quyền trong BLDS năm 2015. Người đại diện theo ủy quyền trong BLTTDS năm 2015 gồm: cá nhân, pháp nhân và tổ chức không có tư cách pháp nhân. Người đại diện theo ủy quyền trong BLDS năm 2015 chỉ có cá nhân và pháp nhân.

Trong TTDS, nếu pháp nhân được đương sự ủy quyền thì pháp nhân đó trở thành người đại diện, có các quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo phạm vi ủy quyền. Pháp nhân là người đại diện theo ủy quyền trong TTDS có những đặc điểm sau:

*Một là*, thỏa thuận theo đó pháp nhân là người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự là thỏa thuận dân sự. Theo quy định, ủy quyền trong TTDS phải tuân theo những nguyên tắc chung của pháp luật dân sự, đó là sự tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận trong việc thiết lập và thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên chủ thể. Các bên tham gia vào thỏa thuận ủy quyền có các quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận và theo quy định của pháp luật, bao gồm pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng. Các bên trong quan hệ ủy quyền sẽ thỏa thuận về

<sup>7</sup> Nguyễn Hoàng Long, “Các tổ chức không có tư cách pháp nhân trong quan hệ pháp luật dân sự”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, <https://tapchitoaan.vn/cac-to-chuc-khong-co-tu-cach-phap-nhan-trong-quan-he-phap-luat-dan-su>, truy cập ngày 02/10/2023.

người đại diện, phạm vi, nội dung đại diện.

*Hai là*, pháp nhân trở thành người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự khi có ủy quyền của đương sự và phải đáp ứng các điều kiện của pháp luật tố tụng. Người được pháp nhân đại diện trong TTDS chỉ có thể là các đương sự trong các vụ việc dân sự cụ thể, bao gồm: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trong vụ án dân sự) và người yêu cầu giải quyết việc dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trong việc dân sự).<sup>8</sup> Những người tham gia tố tụng khác như: người làm chứng, người giám định, người phiên dịch không có đại diện theo ủy quyền. Khi tham gia các hoạt động TTDS, pháp nhân phải đủ điều kiện và không thuộc trường hợp không được đại diện theo quy định của pháp luật TTDS.

Từ những góc độ trên, mặc dù thuật ngữ “pháp nhân là người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự” chưa được định nghĩa thành một khái niệm cụ thể nhưng dưới góc độ ngôn ngữ và pháp lý, tác giả đưa ra khái niệm như sau: “Pháp nhân là người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự là các cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện là pháp nhân theo quy định của Bộ luật Dân sự nhân danh và vì lợi ích của đương sự tham gia tố tụng dân sự khi được đương sự ủy quyền”.

## **2. Vai trò của tổ chức hành nghề luật sư khi là người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự**

Pháp nhân là người đại diện theo ủy quyền trong TTDS nói chung và TCHNLS là người đại diện theo ủy quyền trong TTDS nói riêng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động TTDS về pháp lý và xã hội.

*Thứ nhất*, pháp nhân là người đại diện theo ủy quyền và TCHNLS góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Theo Điều 69 BLTTDS năm 2015, đương sự là cá nhân phải có đầy đủ năng lực hành vi TTDS, có thể tự mình tham gia tố tụng. Tuy nhiên, trong nhiều hoàn cảnh, lý do khác nhau đương sự phải ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng. Do đó, sự tham gia của TCHNLS làm người đại diện theo ủy quyền sẽ góp phần bảo đảm nguyên tắc “Bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự” được quy định tại Điều 9 BLTTDS năm 2015. Về thực chất, các luật sư của TCHNLS là người đại diện theo ủy quyền cũng giống như luật sư tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đều với mục đích bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích của đương sự.

TCHNLS là người đại diện theo ủy quyền còn có vai trò quan trọng trong các tranh chấp dân sự lớn, phức tạp khi mà pháp nhân là

8 Khoản 1 Điều 68 BLTTDS năm 2015.

chủ thể có đủ nhân lực, kinh tế, sự chuyên nghiệp để theo đuổi vụ kiện và hỗ trợ đương sự. TCHNLS là người đại diện theo ủy quyền có tầm ảnh hưởng đến sự thành công của các đương sự trong vụ kiện. Những luật sư quen thuộc với việc tố tụng tại các nước phát triển cho rằng: “Một người đại diện sẽ giúp nguyên đơn thắng kiện”.<sup>9</sup>

Luật sư của các TCHNLS đều thuộc Liên đoàn Luật sư Việt Nam, một tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư được thành lập để hỗ trợ, giám sát luật sư với những quy định, quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp chặt chẽ, do đó, tránh được những rủi ro pháp lý đến từ những người đại diện không chuyên nghiệp, trục lợi hoặc lừa đảo.

*Thứ hai*, pháp nhân là người đại diện theo ủy quyền và TCHNLS giúp cho quá trình giải quyết các vụ việc dân sự tại Tòa án được nhanh chóng, đúng luật. Trong nhiều vụ án, đương sự vắng mặt làm cho thời gian giải quyết kéo dài, có nhiều khả năng sai sót do đương sự cung cấp không đủ chứng cứ hoặc không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Do vậy, TCHNLS làm người đại diện theo ủy quyền khi tham gia tố tụng là cầu nối giữa cơ quan tiến hành tố tụng với các đương sự. Cơ quan tiến hành tố tụng cũng có thể nhanh chóng tiếp cận với sự thật khách quan, giải quyết các vụ án nhanh chóng, đúng luật thông qua người đại diện theo ủy quyền là các TCHNLS.

TCHNLS với đội ngũ nhân viên có kiến thức, kinh nghiệm, hiểu biết pháp luật có thể chỉ ra những sai sót của cơ quan tiến hành tố tụng. Trong thời gian qua, các vụ án dân sự bị hủy, sửa vẫn còn nhiều ở các Tòa án, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Trong đó có nhiều vụ án bị hủy là do nguyên nhân chủ quan của các thẩm phán. Do vậy, ý kiến của những luật sư khi tham gia tố tụng sẽ giúp cho thẩm phán có những đánh giá, nhận định chính xác hơn.

*Thứ ba*, pháp nhân là người đại diện theo ủy quyền và TCHNLS thực hiện chức năng trợ giúp xã hội, bảo vệ người yếu thế. Do đó, đương sự có nhiều lựa chọn để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp khi tham gia TTDS. Đồng thời, trách nhiệm vì cộng đồng được đặt ra để khuyến khích đại diện, đặc biệt là cung cấp các dịch vụ pháp lý cho những người gặp khó khăn về kinh tế có thể khởi kiện và tham gia tố tụng. Ngoài các hoạt động dịch vụ pháp lý, TCHNLS thực hiện chức năng trợ giúp pháp lý cho các đối tượng được quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật. Việc mọi người được tiếp cận bình đẳng với các thủ tục tố tụng là một tiêu chí

9 William Popkin, “Effect of Representation on Claimant’s Success Rate—Three Study Designs”, *Administrative Law Review*, Vol. 31(4), 1979, tr. 449.

chính cho sự công bằng.<sup>10</sup>

Pháp luật quốc tế đã ghi nhận quyền con người của một số nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội bao gồm: phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người đồng tính, lưỡng tính và chuyển giới, người tị nạn... Tương tự như pháp luật quốc tế, pháp luật của Việt Nam cũng ghi nhận những nhóm yếu thế gồm trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số.<sup>11</sup> Tác giả Tưởng Duy Lượng có nhận định: “Trong một quan hệ xã hội nhất định, dù thuộc trường hợp nào (nhóm người, một người), những đối tượng này gặp những thiệt thòi, bất lợi thì khi đó phải xác định họ là người yếu thế”.<sup>12</sup> Khi tham gia tố tụng với quy trình nhiều bước và cần sự tuân thủ chặt chẽ, các chủ thể này gặp rất nhiều trở ngại. Ở hiện tại và trong tương lai, TCHNLS đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ, hỗ trợ nhóm người này.<sup>13</sup>

*Thứ tư*, tổ chức hành nghề luật sư làm người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự là chủ thể tuyên truyền pháp luật hiệu quả. TCHNLS sẽ góp phần tuyên truyền pháp luật thông qua hoạt động của các luật sư tại phiên tòa. Đồng thời, kiến thức của luật sư được thể hiện trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và thu thập chứng cứ cũng là nguồn kiến thức pháp luật phong phú tuyên truyền cho các chủ thể tham gia tố tụng cũng như các chủ thể khác trong xã hội.

Khi đương sự ủy quyền cho các TCHNLS tham gia tố tụng, đương sự sẽ có được những lời khuyên tích cực từ phía tập thể TCHNLS để đi đến quyết định khởi kiện và tham gia vụ kiện. Thông qua những trao đổi, bàn luận, góp ý trong quá trình thực hiện việc ủy quyền, các luật sư sẽ có những tác động nhất định đến đương sự, giúp đương sự nâng cao ý thức, hiểu biết và vận dụng các quy định của pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân.

### **3. Một số vướng mắc và đề xuất hoàn thiện pháp luật về người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự là tổ chức hành nghề luật sư**

#### **3.1. Văn phòng luật sư nên được cho phép làm người đại diện theo ủy quyền cho đương sự**

Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có quy định khẳng định doanh nghiệp nhân có tư cách pháp nhân hay không. Theo Điều 33 Luật

<sup>10</sup> William Popkin, *tlđđ*.

<sup>11</sup> Hà Trọng Bắc, “Bảo đảm hiệu quả quyền tiếp cận thông tin của nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, <https://tapchitoaan.vn/bao-dam-hieu-qua-quyen-tiep-can-thong-tin-cua-nhom-doi-tuong-yeu-the-trong-xa-hoi8649.html>, truy cập ngày 02/10/2023.

<sup>12</sup> Tưởng Duy Lượng, “Bảo đảm quyền lợi cho người yếu thế trong quan hệ hợp đồng”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 21 (397), 2019, tr. 48-52.

<sup>13</sup> Học viện tư pháp, *Giáo trình luật sư và nghề luật sư*, Nxb. Tư Pháp, Hà Nội, 2020, tr. 13.

Luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012, văn phòng luật sư hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. Nếu doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân, đồng nghĩa với việc văn phòng luật sư không thể là người đại diện cho đương sự. Thực tế, văn phòng luật sư không được Tòa án chấp nhận làm người đại diện theo ủy quyền cho đương sự. Vấn đề này hiện có hai quan điểm khác nhau:

Quan điểm thứ nhất:<sup>14</sup> Tòa án C cho rằng, ông T là nguyên đơn trong vụ án thụ lý số 117/2021/DSST ngày 16/11/2021 có giấy ủy quyền cho văn phòng luật sư H, tuy nhiên theo khoản 1 Điều 33 Luật Luật sư năm 2006 thì văn phòng luật sư hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân nên không có tư cách pháp nhân theo Điều 75 BLDS năm 2015. Do vậy, văn phòng luật sư H không thể là người được ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLDS năm 2015, Điều 85 BLTTDS năm 2015.

Quan điểm thứ hai,<sup>15</sup> phản bác quan điểm thứ nhất với các lý do sau:

(i) Khoản 1 Điều 85 BLTTDS năm 2015 quy định “Người đại diện có thể là cá nhân hoặc pháp nhân theo quy định của Bộ luật Dân sự” mà không quy định “Người đại diện chỉ là cá nhân hoặc pháp nhân”. Mặt khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 85 BLTTDS thì đối tượng được nhận ủy quyền đại diện trong TTDS không chỉ có hai chủ thể là cá nhân và pháp nhân, mà còn có thêm chủ thể khác là “... tổ chức đại diện tập thể lao động đại diện cho người lao động khởi kiện vụ án lao động, tham gia tố tụng khi được người lao động ủy quyền”;

(ii) Văn phòng luật sư là TCHNLS được thành lập và hoạt động theo Luật Luật sư và các văn bản hướng dẫn. Theo khoản 1 Điều 39 Luật Luật sư năm 2006 thì một trong các quyền của TCHNLS là “thực hiện dịch vụ pháp lý”. Cách thức nhận và thực hiện ủy quyền của văn phòng luật sư cũng không có gì khác biệt với các công ty luật khi nhận và thực hiện ủy quyền từ khách hàng. Xét trong mối tương quan với BLDS năm 2015, thì Luật Luật sư được hiểu là luật khác, luật chuyên ngành nên phải “ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành”;

(iii) So sánh việc cá nhân ủy quyền cho luật sư với việc cá nhân ủy quyền cho văn phòng luật sư thì văn phòng luật sư còn được cấp phép hoạt động và chịu sự quản lý của Sở Tư pháp và các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, xét về khía cạnh pháp lý thì tính chịu trách nhiệm còn cao hơn so với đối tượng là cá nhân;

(iv) Cả hai loại hình này đều là TCHNLS, nếu công ty luật có

14 Quyết định giải quyết khiếu nại số 10/2022/QĐ-GQKN ngày 22/9/2022 của Tòa án C.

15 Đào Ngọc Lý, “Văn phòng Luật sư có được nhận ủy quyền của khách hàng trong giao dịch dân sự?”, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*, <https://lsvn.vn/van-phong-luat-su-co-duoc-nhan-uy-quyen-cua-khach-hang-trong-giao-dich-dan-su1665158322.html>, truy cập ngày 03/10/2023.



quyền nhận làm đại diện theo ủy quyền mà văn phòng luật sư không được làm người đại diện theo ủy quyền là không hợp lý, thiếu bình đẳng và không phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ các phân tích trên, đầu tiên, tác giả cho rằng pháp luật hiện hành đã minh thị văn phòng luật sư phải là pháp nhân. Cụ thể khoản 2 Điều 75 BLDS năm 2015 quy định: “Pháp nhân thương mại bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác”. Qua luật chuyên ngành là Luật Doanh nghiệp năm 2020, khoản 1 Điều 188 đã nêu rõ: “Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp”. Giả sử pháp luật quy định chưa rõ thì căn cứ vào nguyên tắc công bằng và bình đẳng để chấp nhận cho Văn phòng Luật sư được là người đại diện theo ủy quyền. Chấp nhận cho Văn phòng Luật sư được là pháp nhân là người đại diện theo ủy quyền cũng đáp ứng được nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, bảo đảm nguyên tắc “công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm”.<sup>16</sup>

Do người đại diện trong TTDS có những điểm khác biệt với người đại diện trong các giao dịch dân sự nên chủ thể là người đại diện cũng khác nhau. Một số chủ thể là tổ chức không có tư cách pháp nhân vẫn được BLTTDS năm 2015 quy định là người đại diện nhưng không được ghi nhận tại BLDS năm 2015.<sup>17</sup> Do đó, dù văn phòng luật sư có tư cách pháp nhân hay không thì vẫn là một tổ chức pháp lý có đầy đủ “chức năng đại diện” và được quyền cử luật sư tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hoặc là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các vụ án về tranh chấp dân sự.<sup>18</sup> Văn phòng luật sư chuyên nghiệp với sự ràng buộc bởi các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và những điều kiện hành nghề khắt khe sẽ làm đại diện tốt hơn những pháp nhân không hành nghề luật sư.

Vấn đề có được làm người đại diện theo ủy quyền của văn phòng luật sư càng minh chứng rõ nét cho tồn tại và bất cập lớn của chế định đại diện trong TTDS khi đồng nhất, viện dẫn nguyên văn đại diện trong BLDS năm 2015. Nếu pháp luật TTDS có quy định riêng, độc

16 Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

17 Ví dụ trường hợp tại khoản 3 Điều 85 BLTTDS năm 2015: Tổ chức đại diện tập thể lao động đại diện cho người lao động khởi kiện vụ án lao động, tham gia tố tụng khi được người lao động ủy quyền. Trường hợp nhiều người lao động có cùng yêu cầu đối với người sử dụng lao động, trong cùng một doanh nghiệp, đơn vị thì họ được ủy quyền cho một đại diện của tổ chức đại diện tập thể lao động thay mặt họ khởi kiện vụ án lao động, tham gia tố tụng tại Tòa án.

18 Khoản 2 Điều 22 Luật Luật sư năm 2006.

lập với pháp luật nội dung thì các tổ chức không có tư cách pháp nhân như Văn phòng Luật sư có quyền được làm người đại diện theo ủy quyền. Về vấn đề này, pháp luật TTDS Trung Quốc không quy định như pháp luật Việt Nam. Cụ thể, “Pháp nhân sẽ được đại diện hợp pháp của họ đại diện trong tranh tụng. Các tổ chức khác sẽ được đại diện trong tranh tụng bởi các cán bộ phụ trách của họ”.<sup>19</sup>

Từ phân tích trên, việc quy định riêng về đại diện theo ủy quyền trong TTDS là cần thiết. Đồng thời, cần hoàn thiện BLDS năm 2015, Luật Doanh nghiệp, Luật Luật sư về chủ thể là pháp nhân, TCHNLS; tiếp tục kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực, trách nhiệm của Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các TCHNLS; có cơ chế phù hợp để phát huy hơn nữa trí tuệ tập thể của đội ngũ luật sư Việt Nam trong việc đóng góp vào công cuộc xây dựng kinh tế, xã hội của đất nước; xây dựng, hoàn thiện pháp luật và phản biện chính sách của Đảng và Nhà nước.<sup>20</sup>

### ***3.2. Về việc chưa có quy định về tổ chức hành nghề luật sư không được làm người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự***

Điều 87 BLTTDS năm 2015 quy định về những trường hợp không được làm người đại diện và chỉ quy định những trường hợp không được làm người đại diện đối với cá nhân, không có pháp nhân. Về lý thuyết, vẫn có trường hợp TCHNLS nếu làm đại diện theo ủy quyền sẽ dẫn đến sự không vô tư khách quan khi giải quyết các vụ việc dân sự. Giả sử trường hợp, Công ty Luật A có luật sư B là đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp luật sư B là vợ của thẩm phán đang giải quyết vụ án thì đương sự trong vụ án đó có được ủy quyền cho pháp nhân A làm đại diện theo ủy quyền hay không?

Trong trường hợp này, đại diện theo pháp luật của TCHNLS có người thân thích với thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án, kiểm sát viên đang tham gia giải quyết vụ án sẽ dẫn đến sự không vô tư khách quan khi thi hành công vụ của người tiến hành tố tụng (trong quan hệ tình cảm, quan hệ thông gia, quan hệ công tác, quan hệ kinh tế). Trước đây, điểm f khoản 2 mục VI Nghị quyết số 03/HĐTP ngày 19/10/1990 quy định người thân thích với thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án, kiểm sát viên đang tham gia giải quyết vụ án không được tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện do đương sự ủy quyền. Hiện nay, khoản 3 Điều 52 BLTTDS năm 2015 quy định người tiến hành tố tụng phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng

19 Điều 48 Luật Tố tụng dân sự Trung Quốc.

20 Dương Bạch Long, “Thị trường dịch vụ pháp lý và phát triển thị trường dịch vụ pháp lý”, [https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2604#\\_ftnref27](https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2604#_ftnref27), truy cập ngày 01/10/2023.

khi “Có căn cứ rõ ràng cho rằng họ có thể không vô tư khi làm nhiệm vụ” cũng không đặt ra đối với TCHNLS. Do đó, để bảo đảm tính toàn diện của vấn đề, quy định trường hợp không được làm người đại diện cần bổ sung nội dung “Những trường hợp khác mà có căn cứ rõ ràng dẫn đến việc giải quyết vụ việc không khách quan”.<sup>21</sup>

Ngoài ra, trong trường hợp TCHNLS sử dụng người lao động là người bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự (người nghiện ma túy, nghiện rượu) tham gia làm người đại diện theo ủy quyền trong TTDS nếu TCHNLS xét thấy họ làm việc hiệu quả, người này có được làm người đại diện theo ủy quyền hay không? Có quan điểm cho rằng, căn cứ vào quy định của BLDS năm 2015, người bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi không thể đại diện theo ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng tại Tòa án.<sup>22</sup>

Tác giả không đồng ý với quan điểm trên, bởi khoản 2 Điều 24 BLDS năm 2015 quy định: “Việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật” mà không yêu cầu đối với việc thực hiện các hành vi TTDS. Rõ ràng pháp luật không cấm người bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự tham gia TTDS. Quy định này là để hạn chế “việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản” của họ chứ không phải để hạn chế họ tham gia tất cả các giao dịch dân sự và tham gia TTDS. Những người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự vẫn có quyền tham gia TTDS nếu họ tham gia công việc đại diện theo ủy quyền trong TTDS theo phân công của các TCHNLS để lao động hợp pháp kiếm sống, cải tạo, cai nghiện nên Tòa án không thể ngăn cản họ tham gia tố tụng.

### **3.3. Cần hoàn thiện thủ tục đại diện của tổ chức hành nghề luật sư**

Thủ tục đại diện là phương thức, cách thức thực hiện công việc đại diện theo một trình tự, hình thức nhất định. Đến nay, thủ tục về đại diện của TCHNLS có những bất cập như sau:

*Thứ nhất*, chưa có quy định về cách thức hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư khi làm người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự. Pháp nhân là một chủ thể của pháp luật có khả năng hưởng quyền và gánh vác nghĩa vụ<sup>23</sup>. Pháp nhân làm người đại diện thông qua

21 Nguyễn Huy Hoàng, “Bàn về những trường hợp không được làm người đại diện theo ủy quyền quy định tại Điều 87 BLTTDS 2015”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 01 (131), 2020, tr. 108.

22 Nguyễn Thị Thu Hà, “Người đại diện của đương sự trong BLTTDS 2015”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 9, 2016, tr. 32.

23 Evgenij Smirnov and Oleg Jastrebov, “Value of the Fiction Theory for Understanding the “Legal Person””, *World Applied Sciences Journal*, No. 27 (7), IDODSI Publications, 2013, tr. 909.

các thành viên của pháp nhân đó nhưng pháp nhân lại là chủ thể chịu trách nhiệm về hậu quả. Trong tác phẩm “Quản trị doanh nghiệp ở Trung Quốc”, theo Giovanni Pisacane: tất cả các công ty được thành lập tại Trung Quốc đều phải có người đại diện pháp lý bởi công ty không phải là con người, không thể tự mình hành động.<sup>24</sup> Theo quy định của pháp luật Việt Nam thì doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ thông qua người đại diện theo pháp luật, bao gồm cả tham gia tố tụng tại Tòa án.<sup>25</sup>

Pháp luật hiện hành chưa có quy định về cách thức hoạt động của pháp nhân là người đại diện theo ủy quyền khi tham gia tố tụng, cũng như không ghi nhận rõ ràng rằng người của pháp nhân tham gia tố tụng thay mặt cho đương sự là ai. Quy định cũng chưa làm rõ ngoài người đại diện theo pháp luật của TCHNLS thì bất kỳ nhân viên nào đó của TCHNLS hay người ngoài TCHNLS có được thay mặt pháp nhân tham gia TTDS hay không. Thực tế thì đương sự khi đến các TCHNLS là muốn trông cậy vào những luật sư có uy tín và trình độ để họ thắng kiện. Họ không muốn quyền lợi của họ được đại diện bởi một người không rõ ràng về uy tín hay chuyên môn.<sup>26</sup> Trong khi trách nhiệm giữa bên ủy quyền và pháp nhân (bên được ủy quyền) được ràng buộc thông qua các điều khoản của hợp đồng ủy quyền hay hợp đồng dịch vụ pháp lý, giữa người được pháp nhân giao nhiệm vụ đại diện tại Tòa án với đương sự có thể lại không có sự ràng buộc nào, tất cả đều thông qua thỏa thuận giữa đương sự với TCHNLS.

Bất cập này khiến cho quy định về pháp nhân là người đại diện theo ủy quyền sẽ không khả thi trên thực tế hoặc gây ra sự tùy tiện trong hoạt động của các TCHNLS tham gia đại diện. Do đó, cần có quy định theo hướng chỉ có người của TCHNLS mới được đại diện cho đương sự tham gia tố tụng. Trong tương lai cần hướng tới quy định người của TCHNLS phải có chứng chỉ hành nghề luật sư thì mới được đại diện cho đương sự tham gia tố tụng.

*Thứ hai*, pháp luật chưa có quy định về hình thức phân công thực hiện công việc của tổ chức hành nghề luật sư khi làm người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự. Điều 33, Điều 34 Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định về văn phòng luật sư

24 Giovanni Pisacane, *Corporate Governance in China*, Springer, 2017, tr. 59.

25 Khoản 1 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: “Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật”.

26 Nguyen Huy Hoang, Le Vu Nam, “Authorized representative as a legal entity by civil procedure law of Vietnam”, *Eurasian Law Journal*, Vol 11 (162), 2021, tr. 76.

và công ty luật đều không quy định về hình thức phân công thực hiện công việc của TCHNLS. Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020 chỉ quy định về trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và xử lý các trường hợp “phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật” hay “chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật” mà không có quy định về hình thức phân công thực hiện công việc của TCHNLS khi làm người đại diện theo ủy quyền trong TTDS.

Do hoạt động đại diện theo ủy quyền của pháp nhân còn mới nên pháp luật chưa quy định và chưa có sự thống nhất trong việc phân công thực hiện công việc đại diện tại Tòa án. Nếu người đại diện theo pháp luật của pháp nhân muốn phân công người khác của pháp nhân tham gia tố tụng thì chưa rõ họ ủy quyền lại cho người khác hay phải phân công bằng quyết định? Việc ủy quyền lại, phân công này có bắt buộc phải có sự đồng ý của người được đại diện không?

So sánh với Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì: “Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba”.<sup>27</sup> BLTTDS năm 2015 không quy định về vấn đề ủy quyền lại đối với cả người đại diện là cá nhân và pháp nhân, đơn giản chỉ là “theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015”. Trong khi, BLDS năm 2015 chỉ ghi nhận việc ủy quyền lại đối với hợp đồng ủy quyền<sup>28</sup> và được hiểu là đối với đại diện trong các giao dịch dân sự. Nếu thế, trường hợp đương sự ủy quyền cho TCHNLS bằng “giấy ủy quyền” thì không được ủy quyền lại. Chỉ vì khác nhau về hình thức ủy quyền mà có thể phủ định toàn bộ nội dung ủy quyền. Đây tiếp tục lại là bất cập của BLTTDS năm 2015 xuất phát từ việc đồng nhất với BLDS năm 2015 về đại diện.

Theo quan điểm của tác giả, nếu pháp luật không quy định thì áp dụng Luật Tố tụng hành chính để khẳng định việc không được ủy quyền lại theo nguyên tắc áp dụng tương tự pháp luật.<sup>29</sup> Mặt khác, TCHNLS có cơ cấu tổ chức nên cần hoạt động thông qua các quy định, điều lệ, quy chế, quyết định phân công của pháp nhân. Điều này cũng từng bước tạo ra tính chuyên nghiệp trong hoạt động đại diện của

27 Khoản 5 Điều 60 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

28 Khoản 1 Điều 564 BLDS năm 2015 quy định về các trường hợp được ủy quyền lại: “a) Có sự đồng ý của bên ủy quyền; b) Do sự kiện bất khả kháng nếu không áp dụng ủy quyền lại thì mục đích xác lập, thực hiện giao dịch dân sự vì lợi ích của người ủy quyền không thể thực hiện được”.

29 Khoản 2 Điều 45 BLTTDS năm 2015 quy định: “Tòa án áp dụng tương tự pháp luật để giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp các bên không có thỏa thuận, pháp luật không có quy định và không có tập quán được áp dụng theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều này”.

các TCHNLS.

Việc phân công người của pháp nhân đại diện tại Tòa án không nhất thiết phải có sự đồng ý của người được đại diện.<sup>30</sup> Khi TCHNLS đảm nhận thực hiện việc đại diện theo ủy quyền trong TTDS, họ sẽ là chủ thể đứng ra chịu hoàn toàn trách nhiệm dù thiệt hại là do người của pháp nhân gây ra. Đồng thời, khi đương sự đã chấp nhận lựa chọn TCHNLS làm đại diện thì đương sự cũng đã chấp nhận tin tưởng, giao phó toàn bộ công việc cho pháp nhân đó bao gồm người của pháp nhân. Tất nhiên, để tránh việc lạm dụng tư cách pháp nhân hoặc đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau thì ngoài sự lựa chọn, đánh giá của đương sự, Nhà nước cũng cần xây dựng và quản lý hệ thống pháp nhân “đại diện chuyên nghiệp” với những quy tắc hành nghề nghiêm ngặt.

*Thứ ba*, pháp luật tố tụng dân sự quy định không rõ ràng về hình thức ủy quyền. BLDS năm 2005 quy định hình thức ủy quyền do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp pháp luật quy định việc ủy quyền phải được lập thành văn bản.<sup>31</sup> BLDS năm 2015 không quy định về hình thức ủy quyền, có nghĩa là có thể bằng văn bản, có thể bằng lời nói hoặc hành vi. Thông thường hình thức ủy quyền bằng văn bản tồn tại dưới dạng giấy ủy quyền hoặc hợp đồng ủy quyền. Mỗi dạng văn bản có đặc điểm và giá trị pháp lý khác nhau. Trong thực tế, việc ủy quyền cho pháp nhân tham gia tố tụng bằng văn bản sẽ chứa đựng đầy đủ thông tin về chủ thể, phạm vi ủy quyền và dễ dàng cho các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét. BLTTDS năm 2004 và BLTTDS năm 2015 đều ghi nhận “Người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo nội dung văn bản ủy quyền”.<sup>32</sup> Theo nội dung trên thì pháp luật TTDS đang theo hướng ủy quyền tham gia tố tụng phải lập thành văn bản.

Nếu văn bản ủy quyền có sự xác nhận của bên thứ ba có thẩm quyền sẽ bảo đảm tính pháp lý cao hơn của việc ủy quyền. Do vậy, để giảm thiểu rủi ro trong công việc, hạn chế việc vi phạm tố tụng và đảm bảo tốt nhất quyền lợi của đương sự, Tòa án không chấp nhận văn bản chỉ có chữ ký của các bên mà bắt buộc phải có công chứng, chứng thực hoặc xác nhận. Tại Hội nghị tổng kết công tác ngành Tòa án năm 2009, Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao có tham luận với nội dung: “Việc ủy quyền tham gia tố tụng phải được thể hiện bằng văn bản. Trong trường hợp đương sự gửi văn bản ủy quyền đến Tòa án, để đảm bảo nội dung văn bản ủy quyền là có thực, đúng ý chí của người ủy

30 Nguyễn Thị Thu Hà, *ltd*, tr. 34.

31 Khoản 2 Điều 142 BLDS năm 2005.

32 Khoản 2 Điều 74 BLTTDS năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011) và khoản 2 Điều 86 BLTTDS năm 2015.

quyền và làm căn cứ để Tòa án xử lý về tố tụng thì văn bản ủy quyền cần có công chứng hoặc chứng thực”.<sup>33</sup> Khoản 6 Điều 272 BLTTDS năm 2015 cũng có quy định về hình thức ủy quyền trong TTDS: “Việc ủy quyền quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này phải được làm thành văn bản có công chứng, chứng thực hợp pháp, trừ trường hợp văn bản ủy quyền đó được lập tại Tòa án có sự chứng kiến của Thẩm phán hoặc người được Chánh án Tòa án phân công. Trong văn bản ủy quyền phải có nội dung đương sự ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền kháng cáo bản án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm”. Ngược lại, BLDS năm 2015 không quy định bắt buộc văn bản ủy quyền cần phải công chứng, chứng thực.

Những vấn đề về hình thức ủy quyền lâu nay được đặt ra cho trường hợp cá nhân ủy quyền cho cá nhân hoặc pháp nhân ủy quyền cho cá nhân. Hiện nay, chủ thể pháp nhân là người đại diện theo ủy quyền đã xuất hiện tại Tòa án nên làm phát sinh những quan điểm khác nhau về hình thức ủy quyền. Nổi bật là việc cá nhân ủy quyền cho Công ty Luật là người đại diện theo ủy quyền trong TTDS có cần phải công chứng? Có hai quan điểm trái ngược trong một vụ án cụ thể như sau:<sup>34</sup>:

Quan điểm thứ nhất: Nguyên đơn ông Phạm Sỹ C ủy quyền cho Công ty Luật TNHH B bằng hợp đồng ủy quyền chỉ có dấu của Công ty Luật TNHH B và không có công chứng là chưa bảo đảm giá trị xác thực về chữ ký và ý chí của người ủy quyền trong việc ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng. Đồng thời, khoản 6 Điều 272 BLTTDS năm 2015 thì việc ủy quyền kháng cáo phải lập thành văn bản có công chứng nên áp dụng tương tự pháp luật thì hợp đồng ủy quyền cho Công ty Luật cũng phải có công chứng để xác thực ý chí của người ủy quyền.<sup>35</sup>

Quan điểm thứ hai: BLDS năm 2015 và Luật Công chứng năm 2014 không có quy định bắt buộc hợp đồng ủy quyền phải công chứng, chứng thực. Công ty Luật TNHH B là pháp nhân, hoạt động theo Luật Luật sư, được cung cấp các dịch vụ pháp lý trong đó có việc nhận ủy quyền từ khách hàng nên giao dịch ủy quyền hoàn toàn hợp pháp. Đồng thời tại khoản 6 Điều 272 BLTTDS năm 2015 chỉ áp dụng đối

33 Tham luận “Các vấn đề về dân sự và tố tụng dân sự”, Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội, 11/2009.

34 Vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán căn hộ” thụ lý số: 110/TLST-DS ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố CR: Hồ sơ vụ án thể hiện ông Phạm Sỹ C là nguyên đơn trong vụ án đã ủy quyền cho Công ty Luật TNHH B theo hợp đồng ủy quyền nhưng không được công chứng, Tòa án không chấp nhận hợp đồng ủy quyền này theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 08/2022/QĐ-GQKN ngày 20/9/2022.

35 Quyết định giải quyết khiếu nại số 20/2022/QĐ-GQKN ngày 13/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

với trường hợp ủy quyền kháng cáo.

Tác giả không đồng ý với quan điểm nào mà có những đánh giá, góp ý hoàn thiện pháp luật như sau:

*Một*, đồng ý với quan điểm công ty luật hoạt động theo Luật Luật sư, được cung cấp các dịch vụ pháp lý, là ngành nghề kinh doanh có điều kiện và chịu sự ràng buộc của các quy định chuyên ngành khi giao kết hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng. Do đó, pháp nhân đặc thù này đủ khả năng chịu trách nhiệm với việc nhận ủy quyền của mình.

*Hai*, khoản 6 Điều 272 BLTTDS năm 2015 thể hiện sự không nhất quán của BLTTDS năm 2015 về đại diện trong TTDS, cụ thể là quy định về đại diện, ủy quyền được thiết kế trong điều khoản về kháng cáo, vốn là thủ tục cuối cùng của quá trình xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, BLTTDS năm 2015 yêu cầu văn bản ủy quyền phải công chứng nhưng BLDS năm 2015 không có quy định bắt buộc phải công chứng đối với văn bản ủy quyền. Sự không thống nhất còn thể hiện ở trường hợp ngược lại, pháp nhân ủy quyền cho người khác thì cả pháp luật nội dung và pháp luật TTDS đều không quy định bắt buộc phải công chứng. Thực tế thì Tòa án đều chấp nhận việc pháp nhân ủy quyền chỉ cần văn bản có dấu của pháp nhân.

Trong điều kiện “văn hóa” đại diện trong TTDS tại Việt Nam còn hạn chế, cơ chế bảo vệ, bồi thường, chịu trách nhiệm khi thực hiện không đúng ý chí, xâm phạm lợi ích của người ủy quyền vẫn chưa được luật định, tác giả đề xuất cho vấn đề này như sau: Nếu là tổ chức hành nghề dịch vụ pháp lý hoạt động theo Luật Luật sư ký hợp đồng ủy quyền với đương sự thì không cần công chứng, chứng thực. Nếu pháp nhân không phải là tổ chức hành nghề dịch vụ pháp lý nhận ủy quyền tham gia tố tụng thì việc ủy quyền phải xác định được rõ ý chí của đương sự để bảo đảm quyền và lợi ích cho đương sự bằng việc công chứng, chứng thực văn bản ủy quyền hoặc thể hiện ý chí trực tiếp của đương sự tại Tòa án. Vấn đề cần làm ngay là phải có sự tách biệt giữa đại diện trong luật tố tụng và đại diện trong luật nội dung.

### **Kết luận**

Pháp nhân, trong đó có các TCHNLS là chủ thể cần được tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện để từ đó hoàn thiện cả chế định về đại diện. Quy định về đại diện theo ủy quyền trong TTDS đang có sự liên thông giữa luật nội dung và luật tố tụng. Trong khi, người đại diện theo ủy quyền trong TTDS mang những bản chất riêng, khác biệt so với người đại diện theo ủy quyền khi tham gia các giao dịch dân sự. Vấn đề này cần được khẳng định để có định hướng xây dựng và hoàn thiện chế định đại diện trong TTDS và thống nhất trong áp



dụng pháp luật.

Pháp luật còn nhiều thiếu sót, bất cập trong các quy định cụ thể để các TCHNLS có thể tham gia vào quá trình TTDS với tư cách người đại diện theo ủy quyền. Việc có các quy định chi tiết, tách biệt với BLDS về đại diện, phù hợp với bản chất của đại diện trong TTDS, đồng thời, chuyên nghiệp hóa hoạt động đại diện của các chủ thể đại diện, nhất là các TCHNLS, đội ngũ luật sư là điều cần thiết để bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. ●

### Tài liệu tham khảo

- [1] Hà Trọng Bắc, “Bảo đảm hiệu quả quyền tiếp cận thông tin của nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử* [trans: Hà Trọng Bắc, “Ensuring Effective Access to Information for Vulnerable Groups in Society”, *Electronic Magazine of People’s Court*], <https://tapchitoaan.vn/bao-dam-hieu-qua-quyen-tiep-can-thong-tin-cua-nhom-doi-tuong-yeu-the-trong-xa-hoi8649.html>, accessed on 02/10/2023
- [2] Nguyễn Thị Thu Hà, “Người đại diện của đương sự trong BLTTDS 2015”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 9, /2016 [trans: Nguyễn Thị Thu Hà, “The Representative of the Litigant in BLTTDS 2015”, *Journal of State and Law*, No. 9, 2016]
- [3] Nguyen Huy Hoang, Le Vu Nam, “Authorized representative as a legal entity by civil procedure law of Vietnam”, *Eurasian Law Journal*, Vol 11(162), 2021
- [4] Nguyễn Huy Hoàng, “Bàn về những trường hợp không được làm người đại diện theo ủy quyền quy định tại Điều 87 BLTTDS 2015”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 01 (131), 2020 [trans: Nguyễn Huy Hoàng, “Discussing cases where representation is not allowed as mandated in Article 87 of the Civil Code 2015”, *Journal of Vietnamese Legal Science*, No. 01 (131), 2020]
- [5] Học viện tư pháp, *Giáo trình Luật sư và nghề luật sư*, Nxb. Tư Pháp, Hà Nội, 2020 [trans: Judicial Academy, *Lawyer Curriculum and the Legal Profession*, Judicial Publishing House, Hanoi, 2020]
- [6] Quang Hùng, *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Từ điển Bách khoa [trans: Quang Hung, *Vietnamese Dictionary*, Encyclopedia Dictionary Publishing House]
- [7] Dương Bạch Long, “Thị trường dịch vụ pháp lý và phát triển thị trường dịch vụ pháp lý” [trans: Duong Bach Long, “Legal service market and the development of legal services”], [https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2604#\\_ftnref27](https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2604#_ftnref27), accessed on 01/10/2023
- [8] Nguyễn Hoàng Long, “Các tổ chức không có tư cách pháp nhân trong quan hệ pháp luật dân sự”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử* [trans: Nguyễn Hoàng Long, “Organizations without Legal Entity Status in Civil Law Relations”, *Electronic Magazine of People’s Court*], <https://tapchitoaan.vn/cac-to-chuc-khong-co-tu-cach-phap-nhan-trong-quan-he-phap-luat-dan-su>, accessed on 02/10/2023
- [9] Tuồng Duy Lượng, “Bảo đảm quyền lợi cho người yếu thế trong quan hệ hợp đồng”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 21 (397), 2019 [trans: Tuong Duy Luong, “Ensuring the Rights of the Vulnerable in Contractual Relations”, *Journal of Legislative Studies*, No. 21(397), 2019]
- [10] Đào Ngọc Lý, “Văn phòng Luật sư có được nhận ủy quyền của khách hàng trong giao dịch dân sự?”, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam* [trans: Dao Ngoc Ly, “Can law firms be authorized by clients in civil transactions?”, *Electronic Magazine of Vietnamese Lawyers*], <https://lsvn.vn/van-phong-luat-su-co-duoc-nhan-uy-quyen-cua-khach-hang-trong-giao-dich-dan-su1665158322.html>, accessed on 03/10/2023
- [11] Giovanni Pisacane, “*Corporate Governance in China*”, Springer Nature Singapore Pte Ltd, 2017
- [12] William Popkin, “Effect of Representation on Claimant’s Success Rate—Three Study Designs”, *Administrative Law Review*, Vol. 31(4), 1979